

Số: **533** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **27** tháng **4** năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí Điều tra cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa
bàn toàn quốc năm 2011 của Cục Thú y**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TC ngày 24/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1) cho Cục Thú y;

Xét tờ trình số 514/TTr-TY-TC ngày 09/4/2011 của Cục Thú y về việc xin phê duyệt dự toán chi tiết Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm thức ăn chăn nuôi, điều tra cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn quốc;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí điều tra cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn quốc năm 2011 của Cục Thú y theo nội dung sau:

- Tổng kinh phí: **480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn);**
(Chi tiết theo biểu đính kèm)

- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước cấp (kinh phí không thường xuyên), Loại 010 - 015;

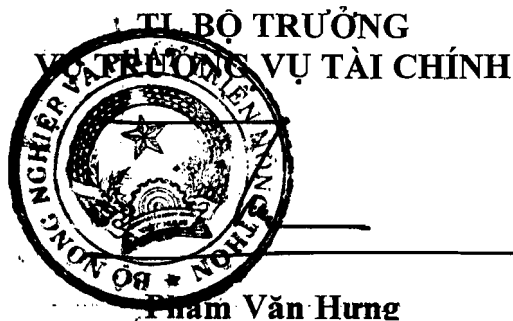
- Thời gian thực hiện: Năm 2011.

Điều 2. Căn cứ kế hoạch được duyệt, Cục trưởng Cục Thú y giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc nhưng không vượt quá 90% số kinh phí trên (tiết kiệm 10%), tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

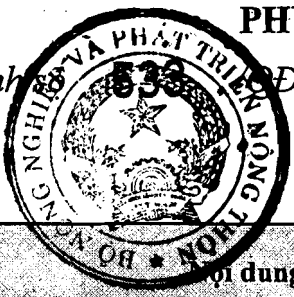
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Thú y và Thủ trưởng đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN Đồng Đa;
- Lưu VT, TC.



PHỤ BIỂU TỔNG HỢP

(Kèm theo Quyết định  số 533/QĐ-BNN-TC ngày 27/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Đơn vị tính 1.000 đ)

TT		Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Thành tiền
1	Phụ lục 1	Điều tra cơ sở giết mổ tại 12 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng I	Cơ quan Thú y Vùng I	80.000
2	Phụ lục 2	Điều tra cơ sở giết mổ tại 13 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng II	Cơ quan Thú y Vùng II	80.000
3	Phụ lục 3	Điều tra cơ sở giết mổ tại 6 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng III	Cơ quan Thú y Vùng III	50.000
4	Phụ lục 4	Nhiệm vụ Điều tra cơ sở giết mổ tại 6 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng IV	Cơ quan Thú y Vùng IV	50.000
5	Phụ lục 5	Điều tra cơ sở giết mổ tại 5 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng V	Cơ quan Thú y Vùng V	40.000
6	Phụ lục 6	Điều tra cơ sở giết mổ tại 11 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng VI	Cơ quan Thú y Vùng VI	90.000
7	Phụ lục 7	Dự toán Đề tài: Điều tra cơ sở giết mổ tại 10 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng VII	Phòng kế hoạch Cục Thú y phối hợp Cơ quan Thú y Vùng VII	90.000
				480.000

Handwritten signature

Handwritten mark

Phụ lục 1

(Kèm theo Quyết định số 523/QĐ-BNN-TC ngày 27/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Điều tra cơ sở tại 12 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng I

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				10.300
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	300	300
2	Báo cáo nghiệm thu	cuốn	1	5.000	5.000
3	Kinh phí tổng hợp số liệu 10 tỉnh điều tra	tính	10	500	5.000
II	Kinh phí cho 3 đợt kiểm tra tại 10 tỉnh				63.400
1	Đợt 1: 4 tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hà Nội, Hà Nam (4 người/5 ngày)				19.000
	Công tác phí				5.400
	Phụ cấp lưu trú: 4 người/5 ngày	người/ngày	20	120	2.400
	Tiền phòng ngủ: 4 người/3 đêm	đêm	12	250	3.000
	Chi phí khác				13.600
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/4 đêm)	người /đêm	16	150	2.400
	Thuê xe	ca xe	5	2.000	10.000
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	60	20	1.200
2	Đợt 2: 4 tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái (4 người/5 ngày)				22.500
	Công tác phí				6.400
	Phụ cấp lưu trú: 4 người/5 ngày	người/ngày	20	120	2.400
	Tiền phòng ngủ: 4 người/4 đêm	đêm	16	250	4.000
	Chi phí khác				16.100
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/4 đêm)	người /đêm	16	150	2.400
	Thuê xe	ca xe	5	2.500	12.500
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	60phiếu	60	20	1.200
3	Đợt 3: 2 tỉnh Hoà Bình và Sơn La (4 người/5 ngày)				21.900

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Công tác phí				6.400
	Phụ cấp lưu trú: 4 người/5 ngày	người/ngày	20	120	2.400
	Tiền thuê phòng ngủ; 4 người/4 đêm	đêm	16	250	4.000
	Chi phí khác				15.500
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/4 đêm)	người /đêm	16	150	2.400
	Thuê xe	ca xe	5	2.500	12.500
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	30 phiếu	30	20	600
III	Kinh phí cho xét duyệt đề cương và nghiệm thu				4.310
1	Đề cương				2.030
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
2	Nghiệm thu				2.280
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	7	150	1.050
	Phản biện	bài	1	400	400
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
IV	Chi khác				1.990
	Photo tài liệu, VPP				990
	Quản lý phí (thông tin liên lạc.....)				1.000
	Cộng				80.000

Handwritten signature

Handwritten signature

Phụ lục 2

(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-BNN-TC ngày 27/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Điều tra cơ sở vật chất tại 13 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng II

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				11.800
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	300	300
2	Báo cáo nghiệm thu	báo cáo	1	5.000	5.000
3	Kinh phí tổng hợp số liệu điều tra	tính	13	500	6.500
II	Kinh phí cho 3 đợt kiểm tra tại 8 tỉnh				60.210
1	Đợt 1: 3 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng (4 người/ 8 ngày)				25.660
	Công tác phí				8.040
	Phụ cấp lưu trú (4 người/ 8 ngày)	người/ngày	32	120	3.840
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/ 7 đêm)	đêm	28	150	4.200
	Chi phí khác				17.620
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/7 đêm)	người /đêm	28	150	4.200
	Thuê xe	km	13	1000	13.000
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	Cơ sở giết mổ	21	20	420
2	Đợt 2: 3 tỉnh Hưng Yên - Hà Giang - Tuyên Quang (4 người/9 ngày)				24.530
	Công tác phí				9.120
	Phụ cấp lưu trú (4 người/ 9 ngày)	người/ngày	36	120	4.320
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/8 đêm)	đêm	32	150	4.800
	Chi phí khác				15.410
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/8 đêm)	người /đêm	32	150	4.800
	Thuê xe	km	13	770	10.010
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	Cơ sở giết mổ	30	20	600
3	Đợt 3: 2 tỉnh Hải Phòng - Thái Bình (4 người/ 4 ngày)				10.020
	Công tác phí				3.720
	Phụ cấp lưu trú (4 người/ 4 ngày)	người/ngày	16	120	1.920

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/3 đêm)	đêm	12	150	1.800
	Chi phí khác				6.300
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/3 đêm)	người /đêm	12	150	1.800
	Thuê xe	km	13	300	3.900
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	Cơ sở giết mổ	30	20	600
IV	Kinh phí cho xét duyệt đề cương và nghiệm thu				4.950
1	Xét duyệt đề cương				2.030
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
2	Nghiệm thu				2.920
	Hội đồng nghiệm thu				2.280
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học	người	7	150	1.050
	Phản biện	bài	1	400	400
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
	Công tác phí cho báo cáo viên				640
	Vé xe khứ hồi Hải Phòng - Hà Nội	chuyến	1	150	150
	Phụ cấp lưu trú	ngày	2	120	240
	Tiền thuê phòng ngủ	đêm	1	250	250
V	Chi khác				3.040
	Photo tài liệu, VPP	tính	13		1.540
	Quản lý phí (thông tin liên lạc.....)				1.500
	Cộng				80.000

mu

7

Phụ lục 3

(Kèm theo Quyết định số 588 /QĐ-BNN-TC ngày 27 /4/2011 của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)

Đánh giá chi phí khảo sát mô tại 6 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng III

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				8.300
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	300	300
2	Báo cáo nghiệm thu	báo cáo	1	5.000	5.000
3	Kinh phí tổng hợp số liệu điều tra	tính	6	500	3.000
II	Kinh phí cho 3 đợt kiểm tra tại 6 tỉnh				33.856
1	Đợt 1: 2 tỉnh Huế & Quảng Trị (4 người/5 ngày)				14.551
	Công tác phí				6.400
	Phụ cấp lưu trú (4 người/5 ngày)	người/ngày	20	120	2.400
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/4 đêm)	đêm	16	250	4.000
	Chi phí khác				8.151
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 4 đêm)	người /đêm	16	150	2.400
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	50	20	1.000
	Xăng xe: 1.200km x 18lít/100km x 19.680đ/lít	lít	216	20	4.251
	Phí cầu đường, gửi xe ô tô				500
2	Đợt 2: 2 tỉnh Quảng Bình - Hà Tĩnh (4 người/4 ngày)				10.600
	Công tác phí				4.920
	Phụ cấp lưu trú (4 người/4 ngày)	người/ngày	16	120	1.920
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/3 đêm)	đêm	12	250	3.000
	Chi phí khác				5.680
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 3 đêm)	người /đêm	12	150	1.800
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	50	20	1.000
	Xăng xe: 700km x 18lít/100km x 19.680đ/lít	lít	126	20	2.480
	Phí cầu đường, gửi xe ô tô				400
3	Đợt 3: 2 tỉnh Nghệ An - Thanh Hoá (4 người/4 ngày)				8.705
	Công tác phí				3.280

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Phụ cấp lưu trú (4 người/4 ngày)	người/ngày	16	80	1.280
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/ 2 đêm)	đêm	8	250	2.000
	Chi phí khác				5.425
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 3 đêm)	người/đêm	12	150	1.800
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	50	20	1.000
	Xăng xe: 600km x 18lít/100km x 19.680đ/lít	lít	108	20	2.125
	Phí cầu đường, gửi xe ô tô				500
III	Kinh phí cho xét duyệt đề cương và nghiệm thu				5.300
1	Đề cương				2.030
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
2	Nghiệm thu				3.270
	Hội đồng nghiệm thu				2.280
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học	người	7	150	1.050
	Phản biện	bài	1	400	400
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
	Kinh phí cho báo cáo viên				990
	Vé tàu khứ hồi Vinh - Hà Nội	chuyến	1	500	500
	Phụ cấp lưu trú	ngày	2	120	240
	Tiền thuê phòng ngủ	đêm	1	250	250
IV	Chi khác				2.544
	Photo tài liệu, VPP				1.044
	Quản lý phí (thông tin liên lạc.....)				1.500
	Cộng				50.000

Phụ lục 4

(Kèm theo Quyết định số **PH/2011/QĐ-BNN-TC** ngày **27/4/2011** của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Dự toán nhiệm vụ Điều tra cơ sở giết mổ tại 6 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng IV

Đơn vị tính: 1.000 đồng



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				8.300
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	300	300
2	Báo cáo nghiệm thu	báo cáo	1	5.000	5.000
3	Kinh phí tổng hợp số liệu điều tra	tính	6	500	3.000
II	Kinh phí cho 3 đợt kiểm tra tại 6 tỉnh				32.658
1	Đợt 1: 2 tỉnh Phú Yên & Khánh Hoà (4 người/ 5 ngày)				13.904
	Công tác phí				5.600
	Phụ cấp lưu trú (4 người/5 ngày)	người/ngày	20	120	2.400
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/4 đêm)	đêm	16	200	3.200
	Chi phí khác				8.304
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 4 đêm)	người /đêm	16	150	2.400
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	30	20	600
	Xăng xe: 1.600km x 15lít/100km x 19.600đ/lít	lit	240	20	4.704
	Phí cầu đường,gửi xe ô tô				600
2	Đợt 2: 2 tỉnh Bình Định,Quảng Ngãi (4 người/ 5 ngày)				11.552
	Công tác phí				5.600
	Phụ cấp lưu trú (4 người/5 ngày)	người/ngày	20	120	2.400
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/4 đêm)	đêm	16	200	3.200
	Chi phí khác				5.952
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 4 đêm)	người /đêm	16	150	2.400
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	30	20	600
	Xăng xe: 800km x 15lít/100km x 19.600đ/l	lit	120	20	2.352
	Phí cầu đường,gửi xe ô tô				600
3	Đợt 3: 2 tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng (4 người/ 4 ngày)				7.202
	Công tác phí				3.520
	Phụ cấp lưu trú (4 người/4 ngày)	người/ngày	16	120	1.920

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/2 đêm)	đêm	8	200	1.600
	Chi phí khác				3.682
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 3 đêm)	người /đêm	12	150	1.800
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	30	20	600
	Xăng xe: 300km x 15lít/100km x 19.600đ/lít (theo thực tế)	lit	45	20	882
	Phí cầu đường, gửi xe ô tô				400
III	Kinh phí cho xét duyệt đề cương và nghiệm thu				7.868
1	Đề cương				1.820
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	1	70	70
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	10	20	200
	Nước uống	người	10	15	150
2	Nghiệm thu				6.048
	Hội đồng nghiệm thu				2.070
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	7	150	1.050
	Phản biện	bài	1	400	400
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	1	70	70
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	10	20	200
	Nước uống	người	10	15	150
	Kinh phí cho báo cáo viên				3.978
	Vé máy bay khứ hồi DN-HN	chuyến	1	2.688	2.688
	Taxi DN-SB; HN-NB	lượt	2	400	800
	Lưu trú	ngày	2	120	240
	Tiền phòng nghỉ	đêm	1	250	250
IV	Chi khác				1.174
	Photo tài liệu, VPP				674
	Quản lý phí (thông tin liên lạc.....)				500
	Cộng				50.000

Phụ lục 5

(Kèm theo Quyết định /QĐ-BNN-TC ngày **27/4/2011** của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)

Điều tra thực địa lò mổ tại 5 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng V

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				7.800
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	300	300
2	Báo cáo nghiệm thu	cuốn	1	5000	5.000
3	Kinh phí tổng hợp số liệu điều tra	tính	5	500	2.500
II	Kinh phí cho 3 đợt kiểm tra tại 5 tỉnh				20.138
1	Đợt 1: 2 tỉnh Kon Tum và Gia Lai (4 người/4 ngày)				9.420
	Công tác phí				4.320
	Phụ cấp lưu trú (4 người/4 ngày)	người/ngày	16	120	1.920
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/3 đêm)	đêm	12	200	2.400
	Chi phí khác				5.100
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 3 đêm)	người /đêm	12	150	1.800
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	20	20	400
	Xăng xe : 600 km x 18 lít/100km x 21.300đồng/lít	lít	108	21,3	2.300
	Phí cầu đường, gửi xe ô tô				600
2	Đợt 2: Tỉnh Đắk Lắk (4 người/2 ngày)				2.827
	Công tác phí				560
	Phụ cấp lưu trú (4 người/2 ngày)	người/ngày	8	70	560
	Chi phí khác				2.267
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (4 người/ 2 đêm)	người /đêm	8	150	1.200
	Xăng xe : 200 km x 18 lít/100km x 21.300 đồng/lít	lít	36	21,3	767
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	15	20	300
3	Đợt 3: 2 tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng (3 người/ 4 ngày)				7.890
	Công tác phí				3.240
	Phụ cấp lưu trú (3 người/4 ngày)	người/ngày	12	120	1.440

MHL

7

	Tiền thuê phòng ngủ (3 người/3 đêm)	đêm	9	200	1.800
	Chi phí khác				4.650
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (3 người/ 3 đêm)	người /đêm	9	150	1.350
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	20	20	400
	Xăng xe : 600 km x 18 lít/100km x 21.300đồng/lít	lit	108	21,3	2.300
	Phí cầu đường, gửi xe ô tô				600
III	Kinh phí cho xét duyệt đề cương và nghiệm thu				10.355
1	Đề cương				2.030
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	12	20	240
	Nước uống	người	12	15	180
2	Nghiệm thu				8.325
	Hội đồng nghiệm thu				2.465
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Phản biện	bài	1	400	400
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	3	70	210
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	13	20	260
	Nước uống	người	13	15	195
	Kinh phí cho báo cáo viên				5.860
	Vé máy bay khứ hồi BMT-HN	chuyến	1	4200	4.200
	Taxi BMT-SB; HN-NB	lượt	2	400	800
	Phụ cấp lưu trú	ngày	3	120	360
	Tiền thuê phòng nghỉ	đêm	2	250	500
4	Chi khác				1.707
	Photo tài liệu, văn phòng phẩm	trang	800	1,0	707
	Quản lý phí (thông tin liên lạc.....)			1000	1.000
	Cộng				40.000

mm

7

Phụ lục 6

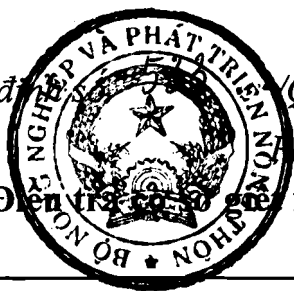
(Kèm theo Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) /QĐ-BNN-TC ngày **27** /4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Dự toán Điều tra và kiểm soát ổ dịch bệnh tại 11 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng VI

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				10.800
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	300	300
2	Báo cáo nghiệm thu	Đợt	1	5.000	5.000
3	Kinh phí tổng hợp số liệu điều tra	tính	11	500	5.500
II	Kinh phí cho 3 đợt kiểm tra				65.900
1	Đợt 1: 4 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước (5 người/6 ngày)				26.080
	Công tác phí				9.850
	Phụ cấp lưu trú (5 người/6 ngày)	người/ngày	30	120	3.600
	Tiền thuê phòng ngủ (5 người/5 đêm)	đêm	25	250	6.250
2	Chi phí khác				16.230
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (5 người/ 5 đêm)	người /đêm	25	150	3.750
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	24	20	480
	Thuê xe	chuyến	4	3000	12.000
2	Đợt 2: 4 tỉnh Bà Rịa, Đồng Nai, TP. HCM, Tây Ninh (5 người/ 6 ngày)				23.440
	Công tác phí				9.850
	Phụ cấp lưu trú (5 người/6 ngày)	người/ngày	30	120	3.600
	Tiền thuê phòng ngủ (5 người/5 đêm)	đêm	25	250	6.250
	Chi phí khác				13.590
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (5 người/ 5 đêm)	người /đêm	25	150	3.750
	Thuê xe	km	4	2300	9.200
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	32	20	640
3	Đợt 3: 3 tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre (5 người/ 4 ngày)				16.380
	Công tác phí				6.150
	Phụ cấp lưu trú (5 người/4 ngày)	người/ngày	20	120	2.400

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tiền thuê phòng ngủ (5 người/3 đêm)	đêm	15	250	3.750
	Chi phí khác				10.230
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (5 người/ 3 đêm)	người /đêm	15	150	2.250
	Thuê xe (theo thực tế)	chuyến	3	2500	7.500
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	24	20	480
III	Kinh phí cho xét duyệt đề cương và nghiệm thu				11.380
1	Xét duyệt đề cương				2.135
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	4	70	280
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	13	20	260
	Nước uống	người	13	15	195
2	Nghiệm thu				9.245
	Hội đồng nghiệm thu				2.385
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	7	150	1.050
	Phản biện	bài	1	400	400
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	4	70	280
	Tài liệu + Văn phòng phẩm	người	13	20	260
	Nước uống	người	13	15	195
	Kinh phí cho báo cáo viên				6.860
	Vé máy bay khứ hồi TP HCM-HN-HCM	người	1	5000	5.000
	Taxi SG-SB; HN-NB	lượt	2	500	1.000
	Công tác phí	ngày	3	120	360
	Tiền phòng nghỉ	đêm	2	250	500
IV	Chi khác				1.920
	Photo tài liệu, VPP, in ấn	bộ	4	300	920
	Quản lý phí (thông tin liên lạc liên hệ công tác)	người	3	500	1.000
	Cộng				90.000



Phụ lục 7

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-BNN-TC ngày 27/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn)

Dự toán Điện trã và các lò mổ tại 10 tỉnh thuộc Cơ quan Thú y vùng VII

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
I	Thuê khoán chuyên môn				10.500
1	Xây dựng đề cương	cuốn	1	500	500
2	Báo cáo nghiệm thu	báo cáo	1	5000	5.000
36	Kinh phí tổng hợp số liệu điều tra	tính	10	500	5.000
II	Kinh phí cho 2 đợt kiểm tra tại 10 tỉnh				71.832
1	Đợt 1: 5 tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau (5 người/8 ngày)				36.666
	Công tác phí				17.466
	Vé máy bay khứ hồi Hà Nội - Cần Thơ	người	1	5.076	5.076
	Taxi đi và về HN-NB, SB-CT	lượt	2	400	800
	Phụ cấp lưu trú (4 người/6 ngày + 1 người/8 ngày)	người	32	120	3.840
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/6 đêm + 1 người/7 đêm)	đêm	31	250	7.750
	Chi phí khác				19.200
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (5 người/6 đêm)	người /đêm	30	150	4.500
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	35	20	700
	Thuê xe	ca xe	5	2.800	14.000
2	Đợt 2: 5 tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp (5 người/8 ngày)				35.166
	Công tác phí				17.466
	Vé máy bay khứ hồi Hà Nội - Cần Thơ	người	1	5.076	5.076
	Taxi đi và về HN-NB, SB-CT	lượt	2	400	800
	Phụ cấp lưu trú (4 người/6 ngày + 1 người/8 ngày)	người	32	120	3.840
	Tiền thuê phòng ngủ (4 người/6 đêm + 1 người/7 đêm)	đêm	31	250	7.750
	Chi phí khác				17.700
	Hỗ trợ kinh phí đi công tác ban đêm tại các lò mổ (5 người/6 đêm)	người /đêm	30	150	4.500

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Nội dung	DVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
	Kinh phí trả cho người cung cấp thông tin	phiếu	35	20	700
	Thuê xe	ca xe	5	2.500	12.500
III	Kinh phí chi trả xét duyệt đề nghị và nghiệm thu				4.810
1	Họp Hội đồng đề xuất				2.240
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	5	70	350
	Photo tài liệu	người	14	20	280
	Nước uống	người	14	15	210
2	Họp Hội đồng nghiệm thu				2.570
	Chủ tịch Hội đồng	người	1	200	200
	Thư ký, thành viên hội đồng khoa học.	người	8	150	1.200
	Bồi dưỡng đại biểu tham dự	người	4	70	280
	Nhận xét phản biện	bài	1	400	400
	Photo tài liệu	người	14	20	280
	Nước uống	người	14	15	210
IV	Chi khác				2.858
	Photo tài liệu, VPP, in ấn				1.358
	Quản lý phí (thông tin liên lạc liên hệ công tác)				1.500
	Cộng				90.000

Handwritten signature/initials

7